

Bản án số: 07/2019/HC-ST

Ngày: 28/10/2019

V/v khiếu kiện: Hành vi hành chính
không giải quyết đơn khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Đại

2. Ông Phạm Văn Thọ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HC ngày 28 tháng 3 năm 2019. Về việc khiếu kiện Hành vi hành chính không giải quyết đơn khiếu nại, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hà Anh T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 42 Tầng Bạt Hồ, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 là người đại diện theo ủy quyền

ĐKHHTT: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tạm trú tại địa chỉ: Số nhà 13, ngõ 63, đường Cù Chính Lan, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền cùng ngày 10-12-2018).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định;

Địa chỉ: Số 10, đường Trần Đăng Ninh, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Duy H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. (Văn bản ủy quyền số 533/UBND-NC ngày 07-5-2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường T; Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Tiến Đ – Chủ tịch UBND phường T.

- Công ty cổ phần C; Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Minh D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền ông Hà Ngọc A – Trưởng phòng quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước. (Văn bản ủy quyền số 35/GUQ-CTĐT ngày 14-5-2019).

Tại phiên tòa: Có mặt ông H, ông Hà Ngọc A, vắng mặt ông T, ông H1, ông Đ có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-3-2019, sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 14-3-2019 và ý kiến của người khởi kiện vụ án hành chính ngày 04-4-2019 của người khởi kiện là ông Hà Anh T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 21-01-2019 ông H có gửi đơn khiếu nại lần đầu đến ông Hoàng Nguyên D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định để giải quyết theo thẩm quyền. Ông H không đồng ý với việc trả lời đơn của ông Phạm Tiến Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N tại văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 có nội dung trái quy định pháp luật. Ngày 22-02-2019 ông Hoàng Nguyên D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành thông báo số 427/TB-UBND nội dung: “Về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại” của ông H trái quy định pháp luật, ông Hoàng Nguyên D ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng Quyết định và không có nội dung về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai của ông H không thụ lý quy định tại Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011. Hành vi hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định không giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông H đề ngày 22-01-2019 quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011. Yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Hoàng Nguyên D phải trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 21-01-2019 cho ông H theo quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011.

Tại văn bản số 389/UBND-NC ngày 08-4-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Phạm Duy H trình bày:

Ngày 28-11-2018 ông Hà Anh T có đơn đề nghị gửi UBND phường T, thành phố N, nội dung đề nghị UBND phường hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận quyền thừa kế đất ở và tài sản trên đất tại số nhà 62 Đồng Khánh, thành phố N. UBND phường T đã tiến hành xác minh địa chỉ nhà số 62 Đồng Khánh, thành phố N trước đây, nay là số 102 Hàng Thao và ngõ 102 Hàng Thao, tổ dân phố 14, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (gồm 01 nhà mặt đường và 04 nhà trong ngõ) khu nhà này hiện nay là nhà thuộc diện sở hữu Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 06-6-2011 của UBND tỉnh Nam Định về việc chuyển nhiệm vụ quản lý quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố N từ Công ty Cổ phần X về Công ty TNHH một thành viên C thì thẩm quyền quản lý khu nhà trên thuộc trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên C, nay là Công ty cổ phần C1. UBND phường T không quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

Ngày 05-12-2018 UBND phường T có văn bản số 74/CV-UBND hướng dẫn ông Hà Anh T liên hệ đến Công ty cổ phần C để được xem xét giải quyết. Điều này là đúng với Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 06-6-2011 của UBND tỉnh Nam Định.

Ngày 11-12-2018 ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền của ông T có đơn khiếu nại với nội dung: “Văn bản số 74/CV-UBND ngày 05-12-2018 của UBND phường T, thành phố N không hướng dẫn ông T, ông H làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở là trái với quy định pháp luật”. Nội dung khiếu nại của ông H là không đúng vì UBND phường T đã hướng dẫn ông Hà Anh T liên hệ với Công ty cổ phần C để được xem xét, giải quyết, việc hướng dẫn này là thực hiện theo đúng Quyết định 856/QĐ-UBND ngày 06-6-2011 của UBND tỉnh Nam Định là đúng quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Anh T không bị xâm phạm. Do đó khiếu nại của ông H không được thụ lý giải quyết. UBND phường T tiếp tục có văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 trả lời và hướng dẫn ông H. Như vậy UBND phường T không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật.

UBND thành phố N nhận được đơn khiếu nại của ông H có nội dung: “khiếu nại hành vi hành chính của ông Phạm Tiến Đ – Chủ tịch UBND phường T không giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông H theo quy định của pháp luật”. Sau khi xem xét quá trình giải quyết của UBND phường T nhận thấy UBND phường T đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, đã hướng dẫn ông T và trả lời ông H theo quy định. Quyền lợi của ông Hà Anh T đã được đảm bảo. UBND thành phố N đã ban hành thông báo số 427/TB-UBND ngày 22-02-2019 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của ông H. Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Tiến Đ – Chủ tịch UBND phường T trình bày:

Ngày 04-12-2018, UBND phường T có nhận được đơn đề nghị của ông Hà Anh T về việc hướng dẫn công dân làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thành phố N do được hưởng thừa kế đương nhiên, theo quy định pháp luật không có di chúc từ bố mẹ ông T để lại. UBND phường T đã có văn bản số 74/CV-UBND ngày 05-12-2018 trả lời đơn đối với ông T.

Ngày 11-12-2018 UBND phường T có nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông H (người được ủy quyền) không hướng dẫn ông T, ông H làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật do được hưởng thừa kế không có di chúc từ bố mẹ để lại. Ngày 15-12-2018 UBND phường T có nhận được đơn đề nghị của ông T về việc hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền thừa kế đất ở và

tài sản trên đất tại địa chỉ thửa đất số 23 Máy Tơ thuộc phường T, thành phố N. Ngày 08-01-2019 có nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông H (người được ủy quyền) về việc khiếu nại hành chính của UBND phường T không giải quyết đơn đề nghị của ông T.

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991. Căn cứ văn bản số 53/Vp6 ngày 25-4-1994 của UBND tỉnh Nam Hà về việc khiếu nại đòi lại nhà thuộc diện Nhà nước quản lý, căn cứ Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05-10-1991 của bộ xây dựng hướng dẫn thi hành Quyết định của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở. Nội dung đề nghị của ông H không thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của UBND phường T, thành phố N trong việc tiếp nhận xem xét và hướng dẫn công dân theo nội dung đề nghị. Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 23-5-2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Ngọc A – Trưởng phòng quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước, Công ty cổ phần C trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất ở và tài sản trên đất số 23 Máy Tơ thuộc phường T và thửa đất tại địa chỉ số 62 Đồng Khánh nay là số 102 Hàng Thao và ngõ 102 Hàng Thao chủ diện là bà Nguyễn Thị L. Ngày 06-12-1960 sau khi bà L đã được đi học cải tạo lớp công thương nghiệp để đưa hai căn nhà số 62 Hàng Thao và 23 Máy Tơ vào Nhà nước quản lý, bà L có đề nghị như sau: “tôi xin hứa sau đây mấy năm các con tôi lớn lên lao động được để đỡ thêm cho gia đình tôi, tôi xin thôi không hưởng quyền lợi gì nữa về hai căn nhà đó nữa”. Ngày 06-12-1960 bà L đã bàn giao hai căn nhà nói trên cho Nhà nước quyền quản lý cho thuê nhà qua Nhà nước. Sau đó Nhà nước cho ông Trần Kim Ch, ông Trần Ngọc C thuê nhà 62 Hàng Thao thời điểm thuê ngày 01-9-1960 thuộc tờ bản đồ số 9 thửa 17. Nguồn gốc của căn nhà số 62 Hàng Thao là của mẹ bà L đi nam để lại cho bà L quản lý từ tháng 2 năm 1955. Đối với ngôi nhà 23 Máy Tơ theo bản tự báo nhà cửa xin đưa vào Nhà nước quản lý do bà L viết ngày 06-12-1960 “một cái nhà ở phố Máy Tơ nay số nhà 23 do bố mẹ chồng tôi cho từ năm 1938 nhà ấy hai tầng bằng gạch lợp ngói bán gác và dầm cửa bằng gỗ lim và phay gác trong nhà bị dột nhiều cho thuê từ năm 1954”. Sau khi bàn giao cho Nhà nước quản lý Nhà nước đã cho ông Trần Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Tống Văn L1, ông Phạm Sơn Tr thuê từ 01-9-1960 đến ngày 31-12-1960. Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà nước và chính sách cải tạo xã Hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 thì hai ngôi nhà này đã xác lập quyền sở hữu Nhà nước. Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND thành phố N phải trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 21-01-2019 cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Ngọc A trình bày vẫn giữ nguyên quan điểm tại buổi làm việc ngày 23-5-2019 và ý kiến trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, ông A không trình bày bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng theo các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T về việc tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Nam Định là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND thành phố N phải thực hiện hành vi hành chính phải trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 21-01-2019 cho ông H.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vắng mặt không có lý do, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên hành vi hành chính của mình, do vậy Tòa án tiến hành mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét quyết định đối với hành vi hành chính bị kiện trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N về việc không trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 21-01-2019 cho ông H theo khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính nên ông Hà Anh T có quyền khởi kiện vụ án hành chính và việc khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Ngày 08-3-2019 và ngày 14-3-2019 ông T khởi kiện đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện nhiều lần vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện theo quy định tại Điều 56 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện.

Theo các tài liệu, chứng cứ thì nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất ở và tài sản trên đất số 23 Máy Tơ thuộc phường T và thửa đất tại địa chỉ số 62 Đồng Khánh nay là số 102 Hàng Thao chủ diện là bà Nguyễn Thị L, căn nhà số 62 Hàng Thao là của mẹ bà L đi nam để lại cho bà L quản lý từ tháng 2 năm 1955, số nhà 23 do bố mẹ chồng bà L cho từ năm 1938. Ngày 06-12-1960 sau khi bà Nguyễn Thị L đã được đi học cải tạo lớp công thương nghiệp, bà đã tự nguyện bàn giao hai căn nhà nói trên cho Nhà nước quyền quản lý cho thuê nhà qua Nhà nước. Sau đó Nhà nước cho ông Trần Kim Ch1, ông Trần Ngọc C thuê nhà 62 Hàng Thao, cho ông Trần Văn A, ông Nguyễn Văn L2, ông Tống Văn L1, ông Phạm Sơn Tr thuê nhà 23 Máy Tơ. Ngày 06-6-2011 UBND tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 856/QĐ-UBND về việc chuyển nhiệm vụ quản lý quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố N từ Công ty Cổ phần X ở về Công ty TNHH một thành viên C thì thẩm quyền quản lý khu nhà trên thuộc trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên C, nay là Công ty cổ phần C. Vì vậy, đối với hai thửa số 23 Máy Tơ và số 102 Hàng Thao trên hai thửa đất có hai ngôi nhà, hiện nay UBND phường T không quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Như vậy ông Hà Anh T có đơn đề nghị gửi UBND phường T thành phố N, hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận quyền thừa kế đất ở và tài sản trên đất là không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường T, thành phố N. Sau khi UBND phường T nhận được đơn đề nghị, UBND phường đã có văn bản số 74/CV-UBND ngày 05-12-2018 trả lời đơn đối với ông T.

[3] Ngày 11-12-2018 và ngày 08-01-2019 UBND phường T có nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông H (người được ủy quyền của ông T) về việc khiếu nại hành chính của UBND phường T không giải quyết đơn đề nghị của ông T. Sau khi nhận được hai đơn khiếu nại của ông H, UBND phường T đã có văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 trả lời và hướng dẫn ông H. Ngoài ra UBND phường T còn căn cứ vào các văn bản như Nghị quyết của Quốc hội số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 thì hai ngôi nhà nêu trên đã xác lập quyền sở hữu của Nhà nước. Văn bản số 53/Vp6 ngày 25-4-1994 của UBND tỉnh Nam Hà về việc khiếu nại đòi lại nhà thuộc diện Nhà nước quản lý, Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05-10-1991 của bộ xây dựng hướng dẫn thi hành Quyết định của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở. Để trả lời đơn khiếu nại cho ông H. Không nhất trí với việc giải quyết khiếu nại, ông Nguyễn Văn H tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố N. Xét nội dung khiếu nại của ông H là không đúng vì UBND phường T đã hướng dẫn ông Hà Anh T liên hệ với Công ty cổ phần C để được xem xét, giải quyết, việc hướng dẫn này là thực hiện theo đúng Quyết định 856/QĐ-UBND ngày 06-6-2011 của UBND tỉnh Nam Định là đúng quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Anh T không bị xâm phạm. Do đó khiếu nại của ông H không được thụ lý giải quyết. Ngày 22-02-2019 UBND thành phố N đã ban hành thông báo số 427/TB-UBND trả lời

về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của ông H là đúng trình tự thủ tục. Đáng lẽ khi nhận được đơn khiếu nại của ông H thì Chủ tịch UBND thành phố N phải trả lời ông H bằng Quyết định giải quyết khiếu nại mới đúng hình thức nhưng UBND thành phố N đã ban hành thông báo số 427/TB-UBND ngày 22-02-2019 để trả lời ông H, mặc dù có vi phạm về mặt hình thức nhưng nội dung vẫn được đảm bảo đúng pháp luật.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên thì hai thửa đất nêu trên đều thuộc quyền quản lý hợp pháp của Nhà nước từ ngày 06-12-1960, theo quy định tại Điều 97, 98, khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013 và theo quy định tại Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì đất công ích của xã, phường, thị trấn không thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh gia đình ông T đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất và cũng không chứng minh được gia đình ông T đã sử dụng ổn định, lâu dài trên hai thửa đất này như trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP nên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013 và khoản 6 Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP nên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N không giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là có cơ sở và đúng quy định về pháp luật đất đai. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T không được chấp nhận.

[5] Xét tính hợp pháp của văn bản hành chính có liên quan: Đối với văn bản số 74/CV-UBND ngày 05-12-2018 và văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 của UBND phường T, thông báo số 427/TB-UBND ngày 22-02-2019 của UBND thành phố N về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Hà Anh T và ông Nguyễn Văn H, tuy không bị khởi kiện nhưng các văn bản này có liên quan đến hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N nên Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính như sau: Ngày 28-11-2018 ông Hà Anh T có đơn đề nghị UBND phường T thành phố N, hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận quyền thừa kế đất ở và tài sản trên đất. Ngày 05-12-2018 UBND phường T có văn bản số 74/CV-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Hà Anh T. Ngày 16-01-2019 UBND phường T ban hành văn bản số 04/CV-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn H. Ngày 21-01-2019 ông H không nhất trí và có đơn khiếu nại đối với văn bản số 04/CV-UBND ngày 16/01/2019 của UBND phường T về việc UBND phường không hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận quyền thừa kế đất ở và tài sản trên đất cho gia đình ông T. Ngày 22/02/2019 UBND thành phố ban hành văn bản thông báo số 427/TB-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên văn bản số 04/CV-UBND ngày 16-01-2019 của UBND phường T. Như vậy, các văn bản nêu trên đều được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hiệu và thời hạn theo quy định tại các Điều 7; Điều 9; Điều 18; Điều 27; Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. Về nội dung như đã phân tích và đánh giá nêu trên, do trường hợp của ông T không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND

thành phố N không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là có cơ sở và đúng pháp luật.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T là có căn cứ pháp luật.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, tuy nhiên ông T là người trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 100; Điều 97, 98 Luật Đất đai 2013; Điều 19; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh T, yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Nam Định là trái pháp luật và về việc buộc UBND phường phải hướng dẫn làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận quyền thừa kế đất ở và tài sản trên đất đối với hai thửa đất số 23 Máy Tơ và thửa đất tại địa chỉ số 102 Hàng Thao thuộc phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cho gia đình ông T.

2. Về án phí: Ông Hà Anh T được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lại Văn Tùng

